

BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT MÔN HỌC - MÔN THI

Năm Học : 2010 - 2011

Lớp Học : 34C1

Học Kỳ : 2

Môn Học : Vẽ kỹ thuật công trình

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN	HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
			1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
1	344101000	Trịnh Tuấn Anh							5	6					5			5.5	5.3			Học lại
2	344101000	Trần Quốc Bảo							5	5					4	5		5.0	4.5	5.0		
3	344101001	Nguyễn Thái Bình							5	6					3	6		5.5	4.3	5.8		
4	334000000	Nguyễn Mạnh Cường							5	7					5			6.0	5.5			Học lại
5	344101001	Phùng Bá Dương							5	6					7	0		5.5	6.3	2.8		
6	337101009	Nguyễn Văn Điệp							0	1					0	0		0.5	0.3	0.3		Học lại
7	344101002	Hà Văn Đông							6	7					4			6.5	5.3			
8	344101002	Trần Văn Đức							6	7					7			6.5	6.8			
9	344101002	Lê Trung Hậu							4	7					6			5.5	5.8			Học lại
10	344101003	Huỳnh Hải							8	6					6			7.0	6.5			Học lại
11	334000002	Nguyễn Đình Hảo							8	7					5			7.5	6.3			
12	344101021	Lê Văn Hiền							6	8					5			7.0	6.0			Học lại
13	344101003	Chế Hoàng Hiệp							8	7					7			7.5	7.3			
14	344101003	Nguyễn Văn Hoàng							8	7					4			7.5	5.8			
15	344101004	Nguyễn Phi Hùng							5	7					7			6.0	6.5			
16	337101020	Lê Trọng Hữu																0.0	0.0			
17	344101004	Lê Khắc Khoa							0	0					0			0.0	0.0			Học lại
18	337101022	Lê Văn Kim							5						5			5.0	5.0			
19	334000009	Nguyễn Xuân Lâm							5	6					6			5.5	5.8			

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN		HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
20	344101005	Nguyễn Phi	Long							6	7					4			6.5	5.3			
21	344101005	Trần Quốc	Lực							5	4					3	0		4.5	3.8	2.3		
22	344101005	Nguyễn Thị	Ly							9	7					8			8.0	8.0			
23	344101005	Nguyễn Thành	Minh							4	4					7			4.0	5.5			Học lại
24	337101028	Trần Đình	Ngọc																0.0	0.0			
25	344101007	Huỳnh Ngọc	Phượng							6	6					6	0		6.0	6.0	3.0		
26	344101007	Lê Minh	Quang							6	6					4			6.0	5.0			Học lại
27	344101007	Nguyễn Văn	Quân							5	7					6			6.0	6.0			
28	334000009	Nguyễn Trung	Rô							3	6					1	6		4.5	2.8	5.3		
29	334000006	Huỳnh Ngọc	Sơn							4	5					3	0		4.5	3.8	2.3		
30	344101009	Trần Văn	Thanh							5	8					5			6.5	5.8			
31	344101010	Nguyễn Trần	Thành							5	7					6			6.0	6.0			Học lại
32	344101010	Võ Thanh	Thái							7	0					0	0		3.5	1.8	1.8		
33	344101010	Võ Tấn	Thắng							6	7					4			6.5	5.3			Học lại
34	344101011	Nguyễn Đình	Thiện							6	7					7			6.5	6.8			
35	344101011	Dương Đỗ Thành	Thịnh							8	5					7			6.5	6.8			
36	344101013	Phan Văn	Trọng							5	7					3	6		6.0	4.5	6.0		
37	344101013	Dương Minh	Trí							6	6					7			6.0	6.5			
38	344101013	Nguyễn Quang	Trường							8	7					5			7.5	6.3			
39	344101014	Nguyễn Lê Anh	Tuấn							5	7					7			6.0	6.5			
40	344101014	Võ Kế	Tự							8	6					4			7.0	5.5			
41	344101014	Trần Nguyễn Hữu	Việt							9	7					5			8.0	6.5			
42	344101014	Bạch Văn	Vương							5	6					6			5.5	5.8			
43	337101059	Hồ Văn	Vỹ																0.0	0.0			
44	344101015	Bùi Đình	Ý							5	6					5			5.5	5.3			

Tổng số: 44 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.00
Giỏi	1	2.27
Khá	1	2.27

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Trung bình	18	40.91
Không đạt	8	18.18
Miễn thi	0.00	0.00

Giáo viên bộ môn

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	16	36.36

Tp. HCM, ngày tháng năm

Giáo Vụ Khoa